

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN XUÂN LỘC  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **84/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 29-6-2021.

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Võ Anh Dũng**.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Hồ Văn Tài**.

2. Ông **Phạm Đức Anh**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Đinh Thị Hạ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc:** Không tham gia.

Vào ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số **266A/2021/TLST-HNGĐ** ngày 22 tháng 4 năm 2021, về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **102/2021/QĐST-HNGĐ** ngày 16 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị **Đỗ Thị Mỹ H**, sinh năm: 1988. (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Tổ 1, ấp 1A, xã XH, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Nội trợ.

Dân tộc: Kinh.

*Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1987. (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp 2, xã XH, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Tài xế.

Dân tộc: Kinh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 06-4-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị Mỹ H trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2012, tại Ủy ban nhân dân xã XH, huyện XL, tỉnh Đồng Nai. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Từ năm 2019 đến nay, vợ chồng không còn sống chung với nhau. Chị không còn tình cảm với anh Nguyễn Văn T, không thể hàn gắn để sống chung, nên chị yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn T có 01 người con chung tên Nguyễn Đỗ Duy K, sinh ngày 24-11-2019. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không vay nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

*Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:*

Anh thống nhất với trình bày của chị Đỗ Thị Mỹ H về điều kiện kết hôn, diễn biến hôn nhân, con chung. Anh không đồng ý ly hôn với chị Đỗ Thị Mỹ H do anh còn yêu thương vợ con. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của vợ anh thì: Về con chung anh đồng ý giao cho chị Đỗ Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng. Tài sản chung và nợ chung không có, anh không yêu cầu giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tư cách tham gia tố tụng và Tòa án có thẩm quyền giải quyết:* Chị Đỗ Thị Mỹ H khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Như vậy, chị Đỗ Thị Mỹ H là nguyên đơn, anh Nguyễn Văn T là bị đơn; anh Nguyễn Văn T có nơi thường trú tại: Ấp 2, xã XH, huyện XL, tỉnh Đồng Nai, như vậy Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai có thẩm quyền giải quyết.

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

Chị Đỗ Thị Mỹ H và anh Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt, nên áp dụng Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị Mỹ H.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Giấy chứng nhận kết hôn số 246, ngày 29-10-2012, Ủy ban nhân dân xã XH, huyện XL, tỉnh Đồng Nai, cấp cho chị Đỗ Thị Mỹ H và anh Nguyễn Văn T đúng quy định, nên quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị Mỹ H là hợp pháp.

[4] *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

Chị Đỗ Thị Mỹ H cho rằng vợ chồng sống không hạnh phúc, do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, anh chị không còn sống chung với nhau từ

năm 2019 đến nay, chị không còn yêu thương anh Nguyễn Văn T nên chị yêu cầu giải quyết cho ly hôn. Anh Nguyễn Văn T cho rằng anh không làm gì sai nên không đồng ý ly hôn.

Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của chị Đỗ Thị Mỹ H và anh Nguyễn Văn T tại địa phương, cho thấy cuộc sống chung của anh chị có xảy ra mâu thuẫn như chị Đỗ Thị Mỹ H trình bày, anh chị không còn sống chung với nhau. Quá trình làm việc tại Tòa án, anh Nguyễn Văn T xin vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, chứng tỏ anh Nguyễn Văn T không có thiện chí và không mong muốn vợ chồng hòa giải khắc phục mâu thuẫn để đoàn tụ. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định tình trạng hôn nhân của anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị Mỹ H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cho ly hôn là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] *Về con chung:*

Anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị Mỹ H thống nhất anh chị có 01 người con chung tên Nguyễn Đỗ Duy K, sinh ngày 24-11-2019, sau khi ly hôn, chị Đỗ Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng. Thời gian qua chị Đỗ Thị Mỹ H chăm sóc con đảm bảo. Do đó, giao người con chung tên Nguyễn Đỗ Duy K cho chị Đỗ Thị Mỹ H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Chị Đỗ Thị Mỹ H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[6] *Về tài sản:*

Chị Đỗ Thị Mỹ H và anh Nguyễn Văn T thống nhất không yêu cầu giải quyết, nên không xét.

[7] *Về nợ chung:*

Chị Đỗ Thị Mỹ H và anh Nguyễn Văn T trình bày không có, nên không xét.

[8] *Về án phí:*

Chị Đỗ Thị Mỹ H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Diễm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí.

**Tuyên xử:**

**1. Về hôn nhân:**

Cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị Mỹ H và anh Nguyễn Văn T.

**2. Về nuôi con chung:**

Giao người con chung tên Nguyễn Đỗ Duy K, sinh ngày 24-11-2019, cho chị Đỗ Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc khi chị Đỗ Thị Mỹ H và anh Nguyễn Văn T có yêu cầu khác.

Tạm thời anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn T được thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản, nhưng không được làm ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc và giáo dục con chung.

Khi xét thấy cần thiết, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc khoản cấp dưỡng nuôi con.

**3. Về tài sản chung và nợ:** Không giải quyết.

**4. Về án phí:**

Chị Đỗ Thị Mỹ H phải nộp **300.000 (Ba trăm nghìn)** đồng, tiền án phí sơ thẩm về ly hôn. **300.000 (Ba trăm nghìn)** đồng tiền tạm ứng án phí chị Đỗ Thị Mỹ H nộp theo Biên lai thu tiền số **0004926** ngày **06-4-2021**, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được chuyển thành tiền án phí.

**5. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H.Xuân Lộc;
- Chi cục T.H.A dân sự H.Xuân Lộc;
- UBND xã XH;
- Các đương sự;
- Lưu: án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Anh Dũng**